|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN**TÊN TỔ CHỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
|  |  |
| Số: /ĐA-……. | *Lạng Sơn, ngày tháng năm 2023* |

**ĐỀ ÁN**

**Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức**

 **trong sở, ban, ngành**

*(Kèm theo công văn số /SNV-CCVC ngày /12/2023 của Sở Nội vụ)*

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Nêu sự cần thiết, mục đích cần phải xây dựng đề án vị trí việc làm

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính.

2. Các văn bản pháp lý về việc điều chỉnh, tăng, giảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính.

3. Các văn bản pháp lý liên quan đến chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức hành chính

4. Văn bản quy định về ngạch, cơ cấu ngạch công chức và số lượng biên chế trong cơ quan, tổ chức hành chính.

5. Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng Đề án.

**III. THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP**

| **TT** | **Nhóm vị trí việc làm** | **Thống kê công việc** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Lãnh đạo, quản lý |  |
| 2 | Nghiệp vụ chuyên ngành |  |
| 3 | Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung |  |
| 4 | Hỗ trợ, phục vụ |  |

**IV. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

1……

**1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: … vị trí**

a) Vị trí ………..

b) Vị trí ……..

c) Vị trí ……

d) Vị trí …..

đ)……………………………….

**2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành[[1]](#footnote-1):… vị trí**

a) Vị trí ………..

b) Vị trí ……..

c) Vị trí ……

d) Vị trí …..

đ)……………………………….

**3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung:… vị trí**

a) Vị trí ………..

b) Vị trí ……..

c) Vị trí ……

d) Vị trí …..

đ)……………………………….

**4. Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: … vị trí**

a) Vị trí ………..

b) Vị trí ……..

c) Vị trí ……

d) Vị trí …..

đ)……………………………….

 *(Có Bản mô tả vị trí việc làm đính kèm)*

**V. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC**

**1. Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức**

**1.1. Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý:**

| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Tương ứng ngạch công chức** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |

**1.2. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành:**

| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Tương ứng ngạch công chức** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

**1.3. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**

| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Tương ứng ngạch công chức** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

**2. Cơ cấu ngạch công chức**

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; trên cơ sở số lượng biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao, xác định cơ cấu ngạch công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung của…………..[[2]](#footnote-2), như sau:

2.1. Tỷ lệ công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung giữ ngạch Chuyên viên chính và tương đương:… %

2.2. Tỷ lệ công chức nghiệp vụ chuyên ngành và công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung giữ ngạch Chuyên viên và tương đương: ..%./.

1. Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành quản lý theo ngành, lĩnh vực. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với nhóm lãnh đạo không xác định cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-2)